

Số: 37/2019/QĐST-HNGĐ

Mai Sơn, ngày 20 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 68/2019/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Anh Vũ Đình T sinh năm 1985,

Bị đơn: Chị Trần Thanh N sinh năm 1988,

Cùng trú tại địa chỉ: Xóm A, tiểu khu B, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 110 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a, d khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 5 năm 2019;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Vũ Đình T và chị Trần Thanh N

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về tình cảm: Anh Vũ Đình T và chị Trần Thanh N nhất trí thuận tình ly hôn.

b. Về con chung:

Anh T, chị N có 01 con chung là cháu Vũ Thị Minh Th sinh ngày 08/5/2009. Giao cháu Vũ Thị Minh Th cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Th trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N mỗi tháng là 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2019 cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh T được quyền thăm nom con; không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

c. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Anh T, chị N đã tự thỏa thuận xong về tài sản chung, nợ chung vợ chồng và đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị trong quyết định giải quyết ly hôn trước khi Tòa án tiến hành hòa giải: Cụ thể:

+ Anh Vũ Đình T được quyền quản lý, sử dụng và định đoạt: 130 m² đất (50 m² đất ở và 80 m² đất trồng cây hàng năm khác) thuộc thửa đất số 197, tờ bản đồ số 53, địa chỉ thửa đất tại Tiểu khu 66, thị trấn Nông trường MC, huyện MC, Sơn La. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 919238, số vào sổ cấp GCN: CH 03559 theo Quyết định số 2604/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La mang tên người sử dụng đất Vũ Đình T, Trần Thanh N.

+ Chị Trần Thanh N được quyền quản lý, sử dụng và định đoạt: 70 m² đất ở đô thị thuộc thửa đất số 110(1), tờ bản đồ số F48-110(150-16), địa chỉ thửa đất tại Tiểu khu B, thị trấn HL, MS, Sơn La. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 596109 số vào sổ cấp GCN: CS 000106 theo Quyết định số 42/QĐ-STNMT ngày 16/9/2016 của Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Sơn La mang tên người sử dụng đất Vũ Đình T, Trần Thanh N. Cùng với 01 ngôi nhà xây cấp bốn mái lợp tôn được xây dựng trên toàn bộ diện tích đất trên và các công trình phụ kèm theo.

Quyền sử dụng đất trên đang được thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện MS vay số tiền 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng theo Hợp đồng tín dụng số 01/2018/HĐTD, mã KH 7904-214838360 ngày 25/9/2018 tại Agribank chi nhánh huyện MS. Chị N có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng (thỏa thuận về trách nhiệm trả nợ chung đã có xác nhận của Agribank chi nhánh huyện MS về việc nhất trí với trách nhiệm trả nợ của chị N, không yêu cầu Tòa án giải quyết tại thời điểm ly hôn).

d. Về án phí: Anh T nhận chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng trong đó: 150.000 đồng là án phí dân sự sơ thẩm, 150.000 đồng là án phí cấp

dưỡng nuôi con; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0002159 ngày 03 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện MS, tỉnh Sơn La.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện MS;
- TAND tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện MS;
- UBND thị trấn Nông trường MC;
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lò Thị Chơ